

MÔ HÌNH TỰ SỰ TRUYỀN ĐẠT TRI THỨC TRONG PHẦN NHI ĐỒNG TRÊN BÁO *PHỤ NỮ TÂN VĂN* NHỮNG NĂM 1933 – 1934

Đào Thị Hải Thanh

Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Email: haithanhvvh@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/8/2026; ngày hoàn thành phản biện: 16/9/2026; ngày duyệt đăng: 29/9/2026

TÓM TẮT

Phụ nữ tân văn (1929-1935) là tờ báo thành công nhất của phụ nữ Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Trong nhiều vấn đề được tờ báo chú ý, những vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em chiếm một vị trí quan trọng. Bài viết khảo sát mô hình tự sự truyền đạt tri thức trên Phần Nhi đồng của báo *Phụ nữ tân văn* giai đoạn 1933–1934, với trọng tâm là chuỗi truyện về “em Phi” và “em Thanh”. Trên nền một không gian báo chí vốn chịu ảnh hưởng mạnh của diễn ngôn giáo huấn Nho giáo, chuyên mục này đã chuyển sang phương thức kiến tạo tri thức thông qua tự sự, trong đó trải nghiệm đời sống, câu hỏi ngây thơ của trẻ em và đối thoại giữa các nhân vật trở thành cơ chế trung tâm để phổ biến tri thức khoa học, xã hội và luân lý mới. Qua phân tích văn bản theo hướng tự sự học và diễn ngôn, bài viết chỉ ra rằng mô hình này phản ánh sự thay đổi sâu sắc trong quan niệm về trẻ em: từ đối tượng tiếp nhận thụ động thành chủ thể nhận thức tích cực. Đồng thời, nó cho thấy bước chuyển từ giáo dục giáo huấn sang giáo dục khai mở, gắn với tinh thần duy lý và hiện đại hóa ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX. Kết quả nghiên cứu khẳng định vai trò của văn học báo chí như một thiết chế văn hóa quan trọng trong việc hình thành văn hóa đọc và năng lực tư duy độc lập cho trẻ em.

Từ khóa: *Phụ nữ tân văn*, Phần Nhi đồng, mô hình tự sự, truyền đạt tri thức, văn học thiếu nhi.

1. DẪN NHẬP

Sự phát triển sôi nổi của báo chí quốc ngữ tại Nam Kỳ đầu thế kỷ XX không chỉ tái cấu trúc không gian truyền thông đại chúng mà còn kiến tạo những thiết chế văn hóa mới, trong đó có giáo dục. Trong bối cảnh đô thị hóa mạnh mẽ tại Sài Gòn những năm 1930, sự trỗi dậy của tầng lớp thị dân cùng nhu cầu hội nhập các giá trị hiện đại đã thúc

đẩy một cuộc chuyển dịch hệ hình tư duy sâu sắc: từ bỏ mô hình giáo dục từ chương, giáo huấn đạo đức Nho giáo để hướng tới nền giáo dục thực chứng, phổ biến tri thức khoa học. Trong tiến trình đó, chuyên mục dành riêng cho độc giả thiếu nhi không còn đơn thuần là công cụ truyền giảng luân lý, mà dần vận động như một phương thức tổ chức và kiến tạo tri thức. Sự chuyển dịch này hiện diện rõ nét trên Phần Nhi đồng của báo *Phụ nữ tân văn* (PNTV), nơi các tri thức bách khoa được chuyển hóa tinh tế thông qua hình thức kể chuyện, đặc biệt qua chuỗi tự sự về nhân vật “em Phi” và “em Thanh”.

Các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề này chủ yếu phân mảnh thành hai hướng chính. Hướng thứ nhất tập trung vào tờ PNTV như một thiết chế xã hội. Các học giả như Thiện Mộc Lan (*Phấn son tô điểm sơn hà*, 2010), Bùi Trân Phượng (*Việt Nam 1918-1945, giới và hiện đại: sự trỗi dậy những nhận thức và trải nghiệm mới*, 2010), Phạm Thị Thu Hương (*Phụ nữ tân văn (1929-1935) trong bối cảnh văn hóa đầu thế kỷ XX*, 2018), hay Đoàn Ánh Dương (*Phụ nữ bàn về vấn đề phụ nữ trên Phụ nữ tân văn*, 2025) ... đã phác họa diện mạo tạp chí này trong việc thúc đẩy diễn ngôn nữ quyền, văn học nữ lưu và đời sống văn hóa đô thị. Tuy nhiên, Phần Nhi đồng - không gian vi mô góp phần định hình văn hóa đọc của thế hệ tương lai lại ít được để ý. Hướng thứ hai là các nghiên cứu về văn học thiếu nhi Việt Nam do Vân Thanh, Lã Thị Bắc Lý, Nguyễn An, Thanh Tâm Nguyễn thực hiện. Trừ nhà nghiên cứu Vân Thanh (2019) đã phác thảo qua được vài nét về các sách báo dành cho thiếu nhi trước năm 1945, các tác giả còn lại chủ yếu dồn trọng tâm chú ý vào giai đoạn sau 1945. Dù di sản văn học thiếu nhi nửa đầu thế kỷ XX đã bước đầu được Lại Nguyên Ân (2023), Vũ Thị Thanh Loan (2025) sơ bộ kiểm kê, cơ chế tự sự giáo dục nội tại của PNTV vẫn chưa được khảo sát toàn diện. Gần đây, Nguyễn Minh Huệ đã có những khảo sát sơ lược về phụ trương Nhi đồng, tập trung vào “Quan điểm về giáo dục trẻ em trên báo *Phụ nữ tân văn*” (2026)... nhưng vấn đề tổ chức tri thức bằng tự sự trong chuyên mục này vẫn còn là khoảng trống mời gọi nghiên cứu.

Từ thực tế đó, nghiên cứu này đặt mục tiêu khảo sát mô hình tự sự truyền đạt tri thức trên Phần Nhi đồng của báo PNTV giai đoạn 1933–1934. Đối tượng nghiên cứu được giới hạn ở chuỗi truyện về hai nhân vật “em Phi” và “em Thanh” (gồm 10 mẩu chuyện, đăng trên 13 số báo, rải rác từ báo 191 (16/3/1933) đến số 266 (15/11/1934). Bằng việc tích hợp các phương pháp thống kê - phân loại, tự sự học và phân tích diễn ngôn, bài viết hướng tới giải quyết hai câu hỏi nghiên cứu cốt lõi: (1) Tri thức được chuyển hóa thành câu chuyện bằng những cơ chế nào?; và (2) Mô hình tự sự ấy phản ánh quan niệm giáo dục trẻ em ra sao trong bối cảnh xã hội thuộc địa đang hiện đại hóa? Trên cơ sở đó, nghiên cứu hướng tới khẳng định rằng Phần Nhi đồng trên PNTV giai đoạn 1933-1934 đã kiến tạo thành công một mô hình tự sự truyền đạt tri thức độc đáo, trong đó trải nghiệm thực chứng, đối thoại truy vấn và nghệ thuật kể chuyện trở thành cơ chế cốt lõi để tổ chức việc học. Mô hình này không chỉ xóa bỏ lối mòn diễn giảng một chiều mà còn tái định vị trẻ em từ vị thế thụ động tuân phục trở thành chủ thể chủ động nhận thức thế giới.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Bối cảnh hình thành mô hình tự sự truyền đạt tri thức

Ra đời tại Sài Gòn – trung tâm kinh tế và giao lưu văn hóa sôi động bậc nhất thuộc địa, tuần báo *PNTV* do ông bà Nguyễn Đức Nhuận chủ trương (ra mắt số đầu tiên ngày 02/5/1929) nhanh chóng trở thành một thiết chế truyền thông có sức ảnh hưởng sâu rộng. Mặc dù định vị ban đầu là diễn ngôn của giới nữ lưu, tòa soạn sớm nhận thức được chức năng kiến tạo văn hóa đọc cho thế hệ tương lai. Ban đầu, sự hiện diện của trẻ em trên mặt báo khá mờ nhạt: ba số đầu tiên, phần dành cho nhi đồng chỉ khiêm tốn chiếm một trang với tiêu đề “*Chuyện vui cho con nít*”, chủ yếu đăng tải truyện dịch Hồng - mao và các câu đố địa lý. Tuy nhiên, sự dịch chuyển về chiến lược đã xuất hiện ngay ở số 4 (23/5/1929), khi Phần Nhi đồng chính thức được thiết lập cấu trúc bề thế hơn, định kỳ chiếm khoảng ba trang cuối của tờ báo và được phân chia thành ba mảng rõ rệt: giáo dục, giải trí và thơ văn. Việc quy hoạch một không gian cố định trên mặt báo chứng tỏ phổ biến tri thức cho trẻ em đã được thể chế hóa thành một dự án văn hóa dài hạn, chứ không còn là những mảnh ghép mang tính ngẫu hứng hay phụ trợ. Nói cách khác, *PNTV* đã chính thức định hình một không gian văn hóa đọc cho trẻ em, đặt trẻ em như một đối tượng độc giả được hướng tới ngang hàng với độc giả trưởng thành.

Trên cơ sở khảo sát các nội dung dành cho trẻ em trên *PNTV* theo trục thời gian từ năm 1929 đến năm 1934, có thể nhận thấy một sự dịch chuyển mạnh mẽ về nhận thức luận của những người làm báo. Ở giai đoạn đầu (1929–1930), chuyên mục chủ yếu bị chi phối bởi diễn ngôn giáo huấn Nho giáo mang tính gia trưởng. Tòa soạn thường xuyên trích đăng các bài viết từ *Mông học sơ giai* của Nguyễn An Khương hay *Nhi đồng lạc viên* của Nguyễn Văn Ngọc. Các nhan đề như *Thủ tiết* (số 7), *Lời gia huấn* (số 11), hay *Nhớ ơn cha mẹ* (số 20) cho thấy một hệ từ vựng Hán Việt khuôn thước, đề nặng ý thức về tính đẳng cấp và bốn phận. Tản Đà khi tham gia viết bài cho các bé gái cũng luôn nhắc nhở các em về điều này với những bài như *Phận sự* (số 17) hay *Chức nghiệp* (số 36). Trẻ em trong giai đoạn này bị khuôn vào những hình mẫu đạo đức lý tưởng, chủ yếu thụ động tiếp nhận chân lý từ người lớn. Những “người học mẫu” kiểu như trò Tiểu trong bài *Cô Liên dạy em ngay thật* của Huỳnh Lan (số 86) hay anh Thanh trong bài *Vì sao con phải báo hiếu cha mẹ* của Trảng Kiều (số 88) thực chất chỉ là những chiếc bóng mờ nhạt, là công cụ minh họa để tác giả thuyết giảng về sự vâng lời. Từ vựng của giai đoạn này đậm đặc tính rao giảng, đóng kín tư duy trẻ thơ trong các mối quan hệ huyết thống nội bộ.

Bước ngoặt của tư duy giáo dục diễn ra vào nửa cuối năm 1931, tương ứng với sự trưởng thành của tầng lớp thị dân miền Nam. Nhịp sống thương nghiệp và sự du nhập của kỹ thuật phương Tây tại Sài Gòn đòi hỏi một thế hệ có năng lực quan sát, thực hành thay vì chỉ tiếp nhận tri thức qua kinh điển và giáo huấn. Đáp ứng nhu cầu giải ảo thế giới đó, từ số 95 (13/8/1931), Phần Nhi đồng chính thức mở tiểu mục “*Khoa học thường thức*”. Sự xuất hiện của các bài viết như *Tuổi của loài vật* (Tự Đình, số 95) hay loạt

bài *Những gia đình của loài chim* (Viên Hoàn, số 101–108) đánh dấu quá trình thế tục hóa và khoa học hóa nội dung truyền thông. Dù việc đưa tri thức khoa học vào báo chí là một bước tiến lớn, nhưng ở giai đoạn 1931–1932, các văn bản vẫn chủ yếu mang tính chất thông báo trực tiếp, khiến mặt báo phần nào giống với một bức giảng khô khan. Cấu trúc bài viết vẫn là người lớn nói – trẻ em nghe. Phải đến giai đoạn 1933–1934, mô hình tự sự truyền đạt tri thức mới thực sự hình thành rõ nét, được đánh dấu bằng chuỗi truyện *Em Phi* và *Em Thanh*. Ở đây, tri thức không còn bị phơi bày một cách lộ liễu hay nhồi nhét khiên cưỡng, mà được mã hóa vào cốt truyện, nhân vật và hoàn cảnh đời sống thường nhật. Nhân vật “em Thanh” của năm 1933 dưới ngòi bút Bích Thủy đã lột xác hoàn toàn so với “em Thanh” của Tràng Kiều năm 1931. Không còn là một cậu bé cúi đầu nghe giảng về đạo hiếu, “em Thanh” giờ đây là một chủ thể không ngừng vận động, mang trong mình lăng kính tò mò bất tận, liên tục chất vấn người lớn về các hiện tượng tự nhiên, hay các nguyên lý khoa học tạo ra mưa, gió, ánh sáng của mặt trăng hay phim chớp bóng... Việc chuyển đổi từ hình thức “bài diễn giảng” sang “câu chuyện có tình huống” cho thấy tòa soạn và các tác giả đã thấu hiểu sâu sắc tâm lý tiếp nhận của trẻ em. Các tác giả (bao gồm cả Bích Thủy, Dương Hữu Trung, cùng các cây bút ẩn danh trong chuỗi *Em Phi*) đã dùng nghệ thuật tự sự làm chất xúc tác, làm mềm hóa những tri thức bách khoa xa lạ, biến việc học thành một tiến trình khám phá đầy hấp dẫn. Phần Nhi đồng, vì thế, từ một diễn đàn luân lý giáo điều, đã vươn mình trở thành một không gian thử nghiệm phương thức giáo dục hiện đại, nơi tri thức khoa học và nghệ thuật văn chương giao.

2.2. Cấu trúc và cơ chế vận hành của mô hình truyền đạt tri thức

Nếu sự chuyển dịch cấu trúc vĩ mô của báo *PNTV* tạo ra một “hệ sinh thái” phổ biến tri thức mới, thì sức mạnh thực sự của Phần Nhi đồng giai đoạn 1933–1934 lại nằm ở cơ chế vi mô của văn bản: nghệ thuật tự sự. Luận điểm cốt lõi ở đây là tri thức không được đóng gói thành những định lý tiên nghiệm để ban phát cho trẻ em, mà được kiến tạo thông qua một mạng lưới tự sự tinh vi. Quá trình này bao hàm việc lựa chọn đối tượng nhận thức theo hướng thực chứng, khởi đi từ trải nghiệm cá nhân và được giải quyết thông qua cơ chế đối thoại dân chủ.

Khảo sát chuỗi tác phẩm *Em Phi* và *Em Thanh*, có thể thấy các tác giả đã tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong việc lựa chọn đối tượng nhận thức. Tri thức không còn là những khái niệm trừu tượng, cao siêu, giáo điều, cứng nhắc mà là những sự vật, hiện tượng vật lý, sinh học hoặc các tình huống xã hội đời thường: “mấy con ốc”, “con trùng”, “con kiến”, “mặt trăng”, “sóng gió”, hay một bài ngụ ngôn vừa học ở trường. Điểm chung của mạng lưới tri thức này là tính khả giác, tức là có thể quan sát trực tiếp. Trong *Em Thanh và mặt trăng* (số 208), thao tác nhận thức bắt đầu từ một sự vật cụ thể trên bầu trời; từ đó, khái niệm khoa học về sự phản chiếu ánh sáng và ảo ảnh quang học được giải thích bằng chính sự vật ấy. Việc lựa chọn thế giới vi mô làm đối tượng khảo cứu phản ánh tinh thần thực chứng của thời đại: mọi chân lý đều phải được kiểm chứng

bằng giác quan và tư duy logic, đồng thời phù hợp với năng lực tiếp nhận của trẻ em đang làm quen với thế giới.

Khác với mô hình giáo dục giáo huấn, nơi bài học được áp đặt từ trên xuống bất chấp hoàn cảnh, mô hình tự sự trên *PNTV* luôn khởi phát từ một tình huống trải nghiệm tự nhiên. Cấu trúc truyện thường mở ra bằng những không gian quen thuộc: em Phi đi ra bãi biển lúc rạng đông, ngồi chơi ngoài vườn hay em Thanh ra sân hóng mát ngắm trăng; hái bông hoa trong vườn hay nghe tiếng sấm sét, đi xem phim chớp bóng... Chính trong không gian tự do ấy, sự tò mò bản thể của trẻ em được kích thích, tạo ra một độ chênh về nhận thức. Trong *Em Thanh và sóng gió* (số 212), khi người em dùng tư duy duy tâm để lý giải hiện tượng thiên nhiên, người anh lập tức phản bác bằng một truy vấn mang tính nền tảng: “Trời nào sanh ra sóng gió, em cứ nói bậy thôi! Trước hết, Trời là gì? Em có thấy ông Trời bao giờ chưa?” (Bích Thủy, 1933, tr.31). Câu hỏi “Trời là gì?” đánh dấu một bước ngoặt tư tưởng: khái niệm “Trời”, vốn thuộc hệ trục tư duy siêu hình, nay bị đẩy xuống hàng đối tượng cần được giải ảo bằng nhãn quan khoa học. Ngay sau sự phủ nhận những thuyết hủ lậu về thần tích, thiên tạo, người kể chuyện nhắc em: “Em cứ hỏi anh những điều em chưa biết, nhiên hậu em sẽ biết, vì cách ngôn có câu: không biết, nói không biết, tức là biết vậy” (Bích Thủy, 1933, tr.31), rồi giải thích sự việc bằng tri thức khoa học. Tương tự, trong *Em Phi với mấy con ốc* (số 191), trẻ tri nhận về thế giới một cách ngây thơ: “Chị ơi! Chị ơi! Biển thức dậy rồi! Mấy con cá nói chuyện lớn quá!...” (Chị của em Phi, 1933, tr.30); nhưng thay vì gạt bỏ trí tưởng tượng ấy bằng giáo điều khô cứng, tác giả dùng chính sự ngạc nhiên mang tính hiện tượng học này làm mỏ neo để dẫn dắt nhân vật đi vào logic của sinh học và xã hội học. Những đối thoại ấy cho thấy tri thức trên *PNTV* không còn là khuôn vàng thước ngọc được ban phát từ bề trên, mà nảy sinh từ hoài nghi, tò mò và nhu cầu giải thích thế giới. Cũng trong *Em Thanh và mặt trăng* (số 208), khi nhìn thấy mặt trăng, Em Thanh tự đưa ra suy luận theo kiểu loại suy ngây thơ: “Anh ơi, trăng sáng quá! Chắc là nó có lửa như cái đèn măng-sông, phải không anh?” (Dương, 1933, tr.29). Sự ngộ nhận này không bị chế giễu mà trở thành một chất xúc tác để kích hoạt quá trình học tập. Tri thức, vì vậy, bắt đầu từ trải nghiệm sai lầm và từ quan sát bề mặt để đi tới bản chất. Việc tôn trọng trải nghiệm cá nhân của trẻ em cho thấy các tác giả đã khước từ lối giáo dục nhồi nhét và thừa nhận trẻ em như một chủ thể năng động, có nhu cầu chính đáng trong việc cắt nghĩa thế giới xung quanh.

Điểm đặc sắc nhất trong cơ chế vận hành của mô hình này là việc sử dụng đối thoại thay cho độc thoại diễn giảng. Trong cấu trúc ấy, người kể chuyện xưng “tôi” với vai trò người anh hoặc người chị từ bỏ vị thế uy quyền của kẻ bề trên để trở thành một người hướng dẫn, trong khi Em Phi và Em Thanh đảm nhiệm vai trò người học mẫu. Bằng phương pháp hỏi – đáp mang dáng dấp của thuật *Socrate*, quá trình đối thoại đồng thời là quá trình bóc tách các lớp lang của định kiến và mê tín. Trong *Em Phi, con trùng với mấy con kiến* (số 194), có một cuộc va chạm về ý thức hệ giữa tư duy duy lý và tín ngưỡng dân gian. Em Phi thấy kiến cắn con trùng thì thương xót, muốn giết kiến để cứu

trùng, vì nhớ lời bà ngoại dạy: “Con Phi à! Con ra ngoài vườn chơi, đừng có giết chết một con gián, một con dế, một con trùng; đó là mạng sanh linh của trời đất nghe con!” (Chị của em Phi, 1933, tr.32). Hệ từ vựng “mạng sanh linh”, “luân hồi”, “Diêm vương” trong lời dạy của bà ngoại mang màu sắc Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, đại diện cho hệ thống tri thức cũ, chi phối mạnh mẽ hệ hình tư duy của đứa trẻ. Người chị lập tức dùng cơ chế đối thoại để phá vỡ khối định kiến này, giảng giải quy luật sinh tồn theo chuỗi thức ăn: kiến phải ăn trùng để sống, trùng là “lương thực cho loại chim chóc, gà vịt”. Tri thức sinh học vì thế được đưa vào để giải ảo thế giới duy tâm. Thông qua đối thoại, người lớn không áp đặt kết luận mà từng bước gỡ bỏ sự dị đoan để đứa trẻ tự tái lập trật tự logic của tự nhiên. Tương tự, trong *Em Thanh đọc bài ngụ ngôn* (số 207), Bích Thủy dùng đối thoại để lật lại vấn đề đạo đức học. Khi Em Thanh đồng tình với việc con kiến để mặc con ve chết đói vì tội lười biếng, người anh dùng hàng loạt câu hỏi tu từ để phản biện: “Nghĩa là phỏng-sử em là con kiến, thì lúc con ve đến cầu xin em bố-thí hoặc cầu xin em cho nó vay, em sẽ làm thế nào?”; “Thành thử trong lúc em tưởng là em làm phải chớ em cũng đắc tội với xã-hội chớ!” (Bích Thủy, 1933, tr.31). Qua cuộc tranh biện, bài học luân lý khô cứng của sách vở bị đánh đổ, thay vào đó là tri thức về lòng trắc ẩn và tinh thần cứu trợ xã hội – một phẩm chất cốt lõi của công dân đô thị hiện đại.

Mọi thành tố từ bối cảnh, sự kiện, thắc mắc đến đối thoại nói trên được dung hợp lại thành một khái niệm mang tính phương pháp luận: tự sự hóa tri thức. Đây là thao tác tổ chức tri thức khoa học và xã hội theo logic của một cốt truyện có tình huống, có xung đột nhận thức và có sự phát triển tâm lý nhân vật. Trong chuỗi truyện này, xung đột không nằm ở hành động vật lý mà nằm ở sự bất đồng nhận thức giữa điều trẻ em tưởng là đúng và bản chất thực sự của sự vật. Ở *Em Phi với mấy con ốc* (số 191), xung đột nảy sinh khi em Phi ngây thơ cho rằng cá nói chuyện và ốc biết đau đớn, nên từ chối đi lượm ốc vì “Bắt ốc về, họ làm thịt ăn, tội nghiệp ốc quá!”. Nút thắt này chỉ được cởi bỏ khi người chị đưa ra một bức tranh xã hội học về sự nghèo đói: “Chị ơi, chớ mấy đứa nhỏ này với ba má nó không ăn thịt heo, thịt bò, thịt gà như mình sao?” (Chị của em Phi, 1933, tr.30). Điểm nhìn của tự sự vì thế chuyển từ sự thương hại động vật sang lòng trắc ẩn đối với con người. Tương tự, trong chuỗi *Em Phi, con trùng với mấy con kiến* (từ số 193 đến số 195), em Phi nhìn mấy con kiến bâu vào con trùng mà thấy thương, muốn cứu con trùng và hoảng hốt, lo sợ đến mức “muốn cứu cả hai đàng mà không biết phải làm sao nên nó phải giết chết hết vừa trùng vừa kiến” (Chị của em Phi, 1933, tr.32). Chỉ đến khi người chị cắt nghĩa đặc điểm sinh học và sự mạnh yếu của từng loài vật, em Phi mới thôi sợ hãi và không còn “góm” giống trùng nữa. Tự sự hóa tri thức, do vậy, không chỉ là việc lồng ghép thông tin mà còn là việc tạo ra một không gian cảm xúc, giúp kiến thức khô khan hóa thân thành trải nghiệm giàu tính nhân văn và làm thay đổi nhận thức của trẻ.

Từ những phân tích trên, có thể thấy mô hình tự sự truyền đạt tri thức trên Phần Nhĩ đồng báo PNTV vận hành theo một ma trận năm bước khép kín và nhất quán:

- (1) trải nghiệm đời sống làm nảy sinh tình huống;
- (2) thắc mắc dựa trên nhận thức cảm tính hoặc sai lầm của trẻ;
- (3) đối thoại phản biện giữa người kể chuyện và người học mẫu;
- (4) giải thích bằng lăng kính khoa học hoặc xã hội học;
- (5) hình thành hiểu biết mới, dẫn đến sự điều chỉnh trong nhận thức và hành vi của nhân vật.

Việc tri thức không bị giản lược thành bài học mà được kiến tạo thông qua một tiến trình tự sự cho thấy một bước tiến đáng kể về phương pháp sư phạm trên diễn ngôn báo chí đương thời.

2.3. Ý nghĩa của mô hình tự sự truyền đạt tri thức

Sự xác lập mô hình tự sự truyền đạt tri thức trên Phần Nhi đồng báo *PNTV* không đơn thuần là một cuộc cách tân về thủ pháp văn chương báo chí, mà còn là một chỉ báo quan trọng về sự đứt gãy và tái cấu trúc hệ hình tư tưởng. Sự chuyển biến từ diễn ngôn áp đặt sang diễn ngôn khai phóng phản ánh nỗ lực hiện đại hóa xã hội Nam Kỳ đầu thế kỷ XX, nơi tầng lớp thị dân trí thức đang tìm kiếm một nền tảng giáo dục mới để đào tạo ra thế hệ con người độc lập, duy lý và mang tinh thần khoa học.

Trước hết, mô hình này phản ánh sự thay đổi trong quan niệm về trẻ em. Trong các văn bản giáo huấn truyền thống, trẻ em thường bị định vị như những “khách thể” chưa hoàn thiện, thụ động chờ người lớn ban phát luân lý. Ngược lại, thông qua chuỗi truyện *Em Phi* và *Em Thanh*, *PNTV* đã tái định vị các em như những “chủ thể” nhận thức năng động. Trẻ em được trao quyền tò mò, hoài nghi và đưa ra những diễn giải ngay thơ, thậm chí sai lệch, về thế giới. Việc tác giả dành không gian cho những câu hỏi ngây ngô ấy cho thấy năng lực tư duy độc lập của trẻ em được tôn trọng. Đứa trẻ không còn phải học thuộc lòng tín điều như một cái máy, mà bắt đầu biết “thắc mắc” – viên gạch đầu tiên của tư duy phản biện. Tự sự từ đó khắc họa tinh tế một đời sống tâm lý phức tạp của trẻ, từ cảm xúc bộc phát tự nhiên đến những băn khoăn về nhân quả luân hồi, sự tương tác và chuyển hóa giữa mọi vật, rồi cuối cùng là sự thích ứng với quy luật tự nhiên. Như vậy, việc công nhận trẻ em như một thực thể có đời sống tinh thần phong phú chính là một bước tiến dài về ý thức nhân bản mà các tác giả *PNTV* đã thực hiện được.

Bên cạnh đó, mô hình tự sự này cũng cho thấy những biến chuyển mạnh mẽ trong quan niệm về giáo dục trẻ em: từ giáo huấn từ chương đến kiến tạo tri thức. Hệ quả tất yếu của việc định vị lại hình ảnh trẻ em là một cuộc cách mạng về phương pháp giáo dục. Nếu đặt chuỗi tự sự này cạnh các sách giáo khoa đương thời như *Quốc văn giáo khoa thư* (1928) hay *Luân lý giáo khoa thư* (1933) – nơi kiến thức thường được đúc kết thành những câu châm ngôn mang tính mệnh lệnh trực tiếp như “trẻ em phải vâng lời”, “bôn

phận làm con” – ta sẽ thấy một khoảng cách đáng kể về triết lý sư phạm. Khước từ lối mòn nhồi nhét để chuyển sang phương thức kiến tạo tri thức thông qua đối thoại và trải nghiệm, *PNTV* đã tiến xa hơn trên hành trình giáo dục. Sự trăn trở về phương pháp luận sư phạm thậm chí còn được tác giả bộc lộ trực diện trên mặt báo. Cuối truyện *Em Phi, con trùng với mấy con kiến* (số 195), sau khi chận vật dùng logic để tháo gỡ mê tín cho em mình, người chị đã độc thoại: “Tôi ngó theo, bụng lại hỏi thăm: ‘Người ta nên chăm nom tâm-lý trẻ con mà dạy dỗ nó hay là theo cái thuyết ông Rousseau mà để phó mặc chúng nó cho Tạo-vật?...’” (Chị của em Phi, 1933, tr.32). Việc viện dẫn Jean-Jacques Rousseau, nhà tư tưởng tiên phong của phong trào Khai sáng với triết lý giáo dục “thuận tự nhiên” trong *Émile*, là một minh chứng đáng chú ý. Hệ tư vụng triết học phương Tây như “thuyết ông Rousseau”, “tạo-vật” xuất hiện tự nhiên, cho thấy những người viết báo khi ấy đang chủ động tiếp biến các lý thuyết giáo dục hiện đại để giải phóng nền giáo dục thuộc địa khỏi thói tầm chương trích cú. Giáo dục vì thế không còn là việc uốn nắn một cách thô bạo, mà là sự đồng hành và dẫn dắt tâm lý.

Ở góc độ văn học sử, cũng cần khẳng định rằng việc xây dựng mô hình tự sự truyền đạt tri thức là một chiến lược khôn ngoan của *PNTV* trong sự nghiệp định hình văn hóa đọc đối với độc giả đương thời nói chung và độc giả nhỏ tuổi nói riêng. Trong tiến trình lịch sử văn học thiếu nhi sơ kỳ, chuyên mục Nhi đồng của *PNTV* vượt ra khỏi khuôn khổ của một trang báo giải trí để trở thành một phòng thí nghiệm các phương thức phổ biến tri thức. Bằng việc gắn kết hữu cơ ba trụ cột báo chí, văn học và giáo dục, chuyên mục đã kiến tạo một định dạng văn bản đặc thù, tương thích với nhịp điệu của đời sống văn hóa đô thị Sài Gòn. Ở chặng đường này, sự xuất hiện của cây bút Bích Thủy¹ đóng vai trò then chốt trong việc hệ thống hóa và nâng tầm mô hình truyền đạt. Nếu chuỗi truyện *Em Phi* dừng lại ở những thắc mắc thường thức, thì Bích Thủy đã dùng chuỗi *Em Thanh* để đưa diễn ngôn khoa học tự nhiên và xã hội học vào việc giải cấu trúc tư duy phong kiến. Trong *Em Thanh và sóng gió*, khi đối diện với lối giải thích bằng huyền thoại của em trai, người anh đã quyết liệt phủ nhận những niềm tin không có cơ sở thực chứng: “Trời là gì? Em có thấy ‘ông Trời’ bao giờ chưa? Em hay dùng cái khẩu - đầu - thoại ‘Trời sanh’ để giải-quyết nhiều thiên-tượng (météores) mà em chưa hiểu lai-lịch là thế nào” (Bích Thủy, 1933, 31). Sự xuất hiện của các khái niệm vật lý như “diện - tích”,

¹ Bích Thủy là một cây bút xuất hiện thường xuyên trên *PNTV*, bắt đầu từ số 198 (04/5/1933) trên nhiều chuyên mục khác nhau. Riêng ở Phần Nhi đồng, trong chuỗi bài *Em Phi*, *Em Thanh*, Bích Thủy kí tên 5 bài *Em Thanh* (còn lại Dương Hữu Trung kí một bài *Em Thanh*; chuỗi *Em Phi* hầu hết ẩn danh hoặc khuyết danh). Vậy Bích Thủy là ai? Trong *PNTV* số 233 (25/01/1934), mục Nhi đồng tiểu thuyết có đăng truyện *Cái tháp ở đảo Hùng Vương*, phía ngay dưới tiêu đề ghi Bích Thủy dịch thuật (tr.31) và đến cuối truyện lại có ghi chú Dương Bích Thủy dịch thuật (tr.32). Như vậy, hoàn toàn có căn cứ để tin rằng Bích Thủy của Phần Nhi đồng trên *PNTV* chính là Dương Bích Thủy. Về tiểu sử của nhân vật này, vui lòng xem thêm Trang thông tin điện tử tổng hợp Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Vĩnh Long (<https://thvl.vn/van-hoc-chu-quoc-ngu-o-vinh-long-6.html>).

“không-khí chuyển-động” để giải thích sức mạnh của gió bão thay cho thần linh đã minh chứng rõ sứ mệnh khai sáng của tờ báo. Tri thức khoa học được dùng như một công cụ chống lại “những cái thuyết hủ-lậu về ‘Thần - tích’, ‘Thiên - tạo’”, qua đó rèn luyện cho trẻ em một nhãn quan duy vật sắc sảo (Bích Thủy, 1933, tr.31).

Nhìn tổng thể, mô hình tự sự truyền đạt tri thức trên Phần Nhi đồng báo *PNTV* là một thành tựu quan trọng, phản ánh sự chuyển dịch từ nền giáo dục áp đặt, nhồi nhét sang nền giáo dục khai mở và đối thoại. Bằng cách biến tri thức thành những câu chuyện có sức sống, tờ báo không chỉ phổ cập khoa học mà còn dạy cho một thế hệ trẻ em biết cách quan sát, biết cách hoài nghi và biết cách tự mình đi tìm chân lý.

3. KẾT LUẬN

Phần Nhi đồng trên báo *PNTV* giai đoạn 1933 – 1934 đã định hình thành công một mô hình tự sự truyền đạt tri thức mang tính đột phá. Thoát khỏi giới hạn của phương thức diễn giảng luân lý một chiều, tri thức bách khoa trên tờ báo này đã được “tự sự hóa”, tức chuyển hóa thành những câu chuyện có tình huống, khởi nguồn từ trải nghiệm thực chứng và được giải quyết thông qua cơ chế đối thoại dân chủ. Trong tiến trình ấy, chuỗi tác phẩm xoay quanh hai nhân vật “em Phi” và “em Thanh” đóng vai trò như những thiết chế văn bản nền tảng, tạo nên định dạng chuẩn mực cho việc phổ biến tri thức. Đặc biệt, trường hợp Bích Thủy nổi lên như một cây bút bản lề. Bằng cách tiếp biến tinh thần duy lý phương Tây và vận dụng linh hoạt thủ pháp đối thoại, tác giả đã phát triển mô hình này đến độ chín muồi, tích hợp sâu sắc các tri thức khoa học tự nhiên và xã hội học vào đời sống tâm lý sinh động của trẻ thơ. Xét trên bình diện xã hội học văn học, mô hình tự sự giáo dục của *PNTV* mang ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Nó không chỉ đánh dấu sự trưởng thành của văn học thiếu nhi trên báo chí quốc ngữ mà còn góp phần kiến tạo một văn hóa đọc mới tại đô thị miền Nam đầu thế kỷ XX. Ở đó, việc đọc không còn là quá trình thụ đắc giáo điều một cách bị động, mà trở thành một trải nghiệm tự khai sáng, trong đó trẻ em được nhìn nhận như những cá thể độc lập, có năng lực hoài nghi và khát vọng giải mã thế giới.

Từ di sản của *PNTV*, một vấn đề căn cốt được đặt ra cho văn học thiếu nhi đương đại: trong bối cảnh kỷ nguyên số, khi thông tin không còn khan hiếm mà trở nên bão hòa và trẻ em bị bao phủ bởi vô số phương tiện truyền thông nghe nhìn, làm thế nào để văn chương tiếp tục chuyển hóa tri thức thành những trải nghiệm đọc hấp dẫn? Thách thức của việc kiến tạo tri thức hôm nay có lẽ không nằm ở chỗ cung cấp thêm dữ kiện, mà ở khả năng tạo ra một cấu trúc tự sự đủ sức khơi gợi trí tò mò, kích lệ sự khám phá tự thân như cách những trí thức đầu thế kỷ XX đã từng làm. Việc khảo sát cơ chế vận hành của văn học báo chí trong quá khứ vì thế không chỉ để ghi nhận một trầm tích lịch sử, mà còn cung cấp một hệ quy chiếu mang tính phương pháp luận cho chiến lược xuất bản và giáo dục trẻ em trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bích Thủy. (1933, 6 7). Em Thanh đọc bài ngụ ngôn. *Phụ nữ tân văn*, 31.
- [2]. Bích Thủy. (1933, 10 26). Em Thanh và sóng gió. *Phụ nữ tân văn*, 212, 31.
- [3]. Bùi, P. T. (2010, 3). Việt Nam 1918-1945, giới và hiện đại: sự trỗi dậy những nhận thức và trải nghiệm mới. *Thời đại mới - Tạp chí Nghiên cứu & Thảo luận*.
https://tapchithoidai.diendan.org/ThoiDai18/201018_BuiTranPhuong.htm
- [4]. Chị của em Phi. (1933, 3 16). Em Phi với mấy con ốc. *Phụ nữ Tân văn*, 30.
- [5]. Chị của em Phi. (1933, 4 6). Em Phi, con trùng với mấy con kiến. *Phụ nữ Tân văn*, 32.
- [6]. Chị của em Phi. (1933, 4 13). Em Phi, con trùng với mấy con kiến. *Phụ nữ Tân văn*, 32.
- [7]. Đoàn, D. Á. (2025). *Phụ nữ bàn về vấn đề phụ nữ trên Phụ nữ Tân văn*. NXB Phụ nữ.
- [8]. Dương, T. H. (1933, 7 20). Em Thanh và mặt trăng. *Phụ nữ Tân văn*, 29.
- [9]. Lại, Á. N. (2023, 2). Mảng sách cho trẻ em ở Việt Nam thời kì 1930-1945 qua các tư liệu tìm được thời gian gần đây. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, 612, 3-11.
- [10]. Nguyễn, H. M. (2026, 6). Quan điểm về giáo dục trẻ em trên báo Phụ nữ Tân văn (1929 – 1935). *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, 620, 82-92.
- [11]. Phạm, H. T. T. (2018). Phụ nữ tân văn (1929-1935) trong bối cảnh văn hóa đầu thế kỷ XX. In *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ*. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- [12]. Thiện Mộc Lan. (2020). *Phấn son tô điểm sơn hà*. NXB Văn hóa Sài Gòn.
- [13]. Văn Thanh. (2019). *Văn học thiếu nhi Việt Nam, một số vấn đề về tác phẩm và thể loại*. NXB Đại học Quốc gia.
- [14]. Vũ, L. T. T. (2025, 10). Văn học thiếu nhi Việt Nam trước năm 1945: Trường hợp Sách Hồng của Tự Lực văn đoàn. *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, 41, 40-61.

THE NARRATIVE MODEL OF KNOWLEDGE TRANSMISSION
IN THE CHILDREN'S SECTION OF *PHỤ NỮ TÂN VĂN* DURING 1933–1934

Dao Thi Hai Thanh

Institute of Literature, VASS

Email: haithanhvvh@gmail.com

ABSTRACT

Phụ nữ tân văn (1929–1935) stands as the most successful women's newspaper published in Vietnam during the first half of the twentieth century. Among the diverse subjects it brought into public discussion, questions of women and children featured prominently. This article explores the narrative model of knowledge transmission developed in the *Phần Nhi đồng* section of *Phụ nữ tân văn* in 1933–1934, with particular attention to the story series centered on “Em Phi” and “Em Thanh.” Emerging within a press culture still deeply shaped by Confucian didacticism, the section employed narrative not simply as a means of entertainment but as a distinctive vehicle for conveying knowledge. Everyday experiences, children's apparently naïve questions, and exchanges between characters were woven into the narratives to introduce scientific, social, and modern moral ideas to young readers. Through an analysis of narrative form and discourse, this study argues that the model signals a significant reconfiguration of childhood: children were no longer positioned solely as passive recipients of instruction but increasingly represented as active subjects in the process of knowing. At the same time, it points to a movement away from conventional didactic pedagogy toward an inquiry-based mode of education, reflecting the broader currents of rationalism and modernization in early twentieth-century Cochinchina. More broadly, the study highlights newspaper literature as a significant cultural institution in the formation of children's reading culture and the cultivation of independent thought.

Keywords: Children's literature; knowledge transmission; narrative model; *Phụ nữ tân văn*; *Phần Nhi đồng*.